Số: 12094/UBND-NNMT; 17/11/2026; 14:18:41;

Phụ lục:

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2025 CỦA CÁC CÔNG TY TNHH MTV DO UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI LÀM ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU (LẦN 1)

(Kèm theo Công văn số 12094/UBND-NNMT ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Doanh Nghiệp	Kết quả xếp loại	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định	Khoản thu nhập phải nộp ngân sách nhà nước	Lợi nhuận sau thuế thực hiện trích lập	Trích Quỹ đầu tư phát triển	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp về ngân sách nhà nước
A	B	C	1	2	3	4 = 1-2-3	5	6	7 = 4-5-6
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi	A	22.759.631.385			22.759.631.385		5.176.453.000	17.583.178.385
2	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum	A	22.730.457.698			22.730.457.698		3.853.922.000	18.876.535.698
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	A	1.566.555.631			1.566.555.631		1.566.555.631	0
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	B	2.334.720.044			2.334.720.044		1.240.388.958	1.094.331.086
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô	B	1.621.134.504			1.621.134.504		1.621.134.504	0
6	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum	A	117.595.627			117.595.627		117.595.627	0
7	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Ngãi	A	3.202.061.566	658.174.134		2.543.887.432	763.166.230	1.780.721.202	0